TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ M** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2023
"V/v trA chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, trA chấp về nuôi con"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

2. Ông Tô Ngọc Liêm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 944/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "TrA chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, trA chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 670/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999; địa chỉ: số 678, ấp Long Hòa, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: A Huỳnh Văn Đoàn A, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Long Tân, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày*, sau thời gian tự tìm hiểu chị và A Đoàn A được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014, đến năm 2017 vợ chồng M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, A Đoàn A không lo làm ăn lo cho vợ con, chị có khuyên nhưng A Đoàn A sửa đổi,

vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với A Đoàn A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Huỳnh Thị Thu Nguyệt, sinh ngày 22/10/2016; Huỳnh Hoàng Quân, sinh ngày 04/9/2018 hiện nay cháu Thu Nguyệt, cháu Hoàng Quân sống chung với A Đoàn A, khi ly hôn chị đồng ý để A Đoàn A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định vợ chồng không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 31.8.2013 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp; Giấy khai sinh của Huỳnh Thị Thu Nguyệt, Huỳnh Hoàng Quân (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị N không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kim N và A Huỳnh Văn Đoàn A do mai mối và tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B năm 2017, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, A Đoàn A không quan tâm đến vợ con. Nhận thấy tình cảm không còn, chị N yêu cầu ly hôn với ông Đoàn A.

Xét thấy, chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Đoàn A không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhưng không giải quyết được. Mặc khác, từ khi chị N yêu cầu ly hôn đến nay, A Đoàn A không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị N cũng như cả hai không tại điều

kiện để hàn gắn tình cảm, điều đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thu Nguyệt, sinh ngày 22/10/2016, Huỳnh Hoàng Quân, sinh ngày 04/9/2019. Hiện các con chung được A Đoàn A chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị N đồng ý để A Đoàn A được tiếp tục chăm sóc 02 cháu, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, 02 con chung hiện sống với A Đoàn A đã ổn định thể chất và tinh thần và địa phương không phản ánh đối với việc A Đoàn A chăm sóc các cháu. Phía A Đoàn A cũng không có ý kiến đối với việc nuôi con chung, do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu, nghĩ nên tiếp tục để A Đoàn A tiếp tục nuôi con chung, do A Đoàn A không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với A Huỳnh Văn Đoàn A.

- A Huỳnh Văn Đoàn A tiếp tục nuôi 02 con chung tên Huỳnh Thị Thu Nguyệt, sinh ngày 22/10/2016, Huỳnh Hoàng Quân, sinh ngày 04/9/2019. chị Nguyễn Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với A Huỳnh Văn Đoàn A cư trú ấp Long Tân, xã Long Điền B, huyện Chợ M. Xét đây là trA chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: A Huỳnh Văn Đoàn A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt A Đoàn A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim N và A Huỳnh Văn Đoàn A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và A Đoàn A là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị N, A Đoàn A thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tình cảm A Đoàn A không lo làm ăn lo cho vợ con, chị có khuyên nhiều lần nhưng A vẫn không sửa đổi và không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và A Đoàn A là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với A Đoàn A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Huỳnh Thị Thu Nguyệt, sinh ngày 22/10/2016; Huỳnh Hoàng Quân, sinh ngày 04/9/2018 hiện nay cháu Nguyệt, cháu Quân sống chung với A Đoàn A, khi ly hôn chị N đồng ý để A Đoàn A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu Nguyệt, cháu Quân sống với A Đoàn A các cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, tại phiên Tòa chị N cũng đồng ý để A Đoàn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu, A Đoàn A không có ý kiến phản hồi. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho Nguyệt, cháu Quân. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Nguyệt, cháu Quân cho A Đoàn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không cấp dưỡng nuôi con, A Đoàn A cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

A Huỳnh Văn Đoàn A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với A Huỳnh Văn Đoàn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 31/8/2013 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Kim N với A Huỳnh Văn Đoàn A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

A Huỳnh Văn Đoàn A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Thị Thu Nguyệt, sinh ngày 22/10/2016; Huỳnh Hoàng Quân, sinh ngày 04/9/2018. Chị Nguyễn Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con.

A Huỳnh Văn Đoàn A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Kim N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N, A Đoàn A trong thời kỳ hôn nhân thì A, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012763 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 10 năm 2022; Chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

A Huỳnh Văn Đoàn A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của A Huỳnh Văn Đoàn A được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn